

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 02 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

### NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI  
*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý A Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Nguyễn Ngọc Tuấn ;  
2. bà Sùng Thị Mỹ;

*- Thư ký phiên tòa:* ông Đào Bá Đạt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:* ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2023/ TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* chị **Giàng Thị S**, sinh năm 1995; Trú tại: **bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Có mặt.

*- Bị đơn:* anh **Sùng A G**, sinh năm 1993; Trú tại: **bản T, xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Vắng mặt không có lý do.

*- Người phiên dịch:* Ông **Thào A D**; Địa chỉ: **Tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị **Giàng Thị S** trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị **S** và anh **G** chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 30/12/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện M, tỉnh Yên Bái**.

Thời gian đầu chị **S** và anh **G** chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì anh **G** bắt đầu sử dụng chất ma túy, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, thường xuyên lấy tài sản trong nhà đi bán lấy tiền sử dụng ma túy; đến tháng 9/2023 thì chị **S** đã bỏ về nhà ngoại sống đến giờ. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã nhiều lần tổ chức hòa giải, động viên nhưng anh **G** không chịu thay

đôi. Nay chị **S** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh **Sùng A Giàng**.

*Về con chung:* có 03 con chung

+ **Sùng A T**, sinh ngày 19/03/2014

+ **Sùng A C**, sinh ngày 19/01/2017

+ **Sùng Thị B**, sinh ngày 27/01/2019

Ly hôn chị **S** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B**, anh **G** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T** và cháu **C**. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con.

Về tài Tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, đề nghị anh **G** trình bày ý kiến của mình và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên anh **G** đều vắng mặt không có lý do.

**Tại biên bản xác minh ngày 29/12/2023 tại UBND xã N thể hiện:**

Chị **S** và anh **G** có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị **S** đã trình bày.

Trong thời gian chung sống chị **S** và anh **G** không có mâu thuẫn gì lớn, thi thoảng chỉ có lời qua, tiếng lại; tuy nhiên anh **G** có biểu hiện sử dụng chất ma túy từ năm 2018, đến nay vẫn còn sử dụng, không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên lấy tài sản trong nhà đi bán để lấy tiền sử dụng ma túy; Chị **S** và anh **G** đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay.

Về điều kiện kinh tế: chị **S** và anh **G** đều không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập chủ yếu làm ruộng, nương và làm thuê.

**Tại các biên bản lấy lời khai đối với cháu Sùng A T và cháu Sùng A C ngày 29/12/2023 thể hiện:**

Nếu chị **S** và anh **Giàng ly h** thì cháu **T** và cháu **C** có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

**Ý kiến của Kiểm sát viên:**

- Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên toà đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn đã được thông báo, triệu tập họp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **S**, xử cho chị **S** được ly hôn anh **G**.

+ Về con chung: Do anh **G** là người sử dụng chất ma túy không có khả năng nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị **S** trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh **G** không phải phải cấp dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **huyện M**, quan hệ tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn anh **Sùng A G** đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **S** và anh **G** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh **G** có hành vi sử dụng chất ma túy, thường xuyên lấy tài sản trong nhà đi bán, không chăm sóc gia đình; bản thân chị **S** và anh **G** đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh **G** là người có lỗi dẫn đến tình trạng ly hôn vì đã có hành vi sử dụng chất ma túy, không chăm lo, xây dựng hạnh phúc gia đình, gia đình, chính quyền địa phương đã hòa giải, động viên nhưng anh **G** vẫn không sửa đổi, nay chị **S** và anh **G** đã sống ly thân. Do đó Hội đồng xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **S**, xử cho chị **S** được ly hôn với anh **G**.

[3] Về con chung: Cả chị **S** và anh **G** đều không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện nuôi dưỡng là ngang nhau, tuy nhiên anh **G** là nghiện chất ma túy, không có khả năng nuôi con, các con khi được lấy lời khai đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị **S** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B** và cháu **C**, giao cho anh **G** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **T**, không ai phải cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

Đối với đề nghị giao cho chị **S** trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy chị **S** không có tài sản, không có thu nhập ổn định, do đó nếu giao cả 03 cháu cho chị **S** trực tiếp nuôi dưỡng thì chị **S** sẽ không có đủ khả năng, cũng như không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt tốt nhất cho các cháu nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị **Giàng Thị S** là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị **S**.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Giàng Thị S**, xử cho chị **S** được ly hôn anh **Sùng A Giàng**.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Giàng Thị S** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Sùng Thị B**, sinh ngày 27/01/2019 và cháu **Sùng A C**, sinh ngày 19/01/2017; giao cho anh **Sùng A G** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu **Sùng A T**, sinh ngày 19/03/2014. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Giàng Thị S**.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị **S** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **G** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Nậm Cỏ;
- Lưu HS

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lý A H**